

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05 /2022/HNGĐ - ST

Ngày: 21/01/2022

“V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Thành Dũng

2. Ông Nguyễn Văn Tiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2021/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX - ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H** - sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn 1 xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh **Lê Ngọc Đ** - sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu 6 xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Vũ Thị H trình bày:

Tôi và anh Lê Ngọc Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ giải quyết ly hôn. Tại Quyết định số: 133/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa đã Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con và công nợ. Riêng về tài sản chúng tôi không đề nghị Tòa án giải quyết, nay tôi đề nghị Tòa án giải

quyết chia tài sản chung sau ly hôn cho chúng tôi. Tài sản của tôi và anh Đ gồm 01 nhà xây cấp bốn hai tầng đổ mái tầng một khoảng 40m² xây năm 2014 xây kiên cố, xây bằng gạch vồ (Bê tông) lợp chống nóng Prô xi măng kèm theo công trình phụ khép kín xây trên diện tích đất 460m² trong đó có 80m² đất ở và 380m² đất vườn tại thửa đất số 99B, tờ bản đồ số 19 - Khu 10 (cũ) nay là khu 6 xã Y, huyện Hạ Hòa đã được UBND xã huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BX 023614 ngày 23/3/2015 đứng tên ông Lê Ngọc Đ và bà Vũ Thị H, ngoài các tài sản trên tôi xác định không còn thứ tài sản gì khác. Quan điểm của tôi là xin sở hữu và sử dụng toàn bộ số tài sản trên đồng thời thanh toán tiền chênh lệch tài sản lại cho anh Đ theo quy định của pháp luật, nếu anh Đ xin sở hữu, sử dụng toàn bộ và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho tôi thì tôi cũng nhất trí, vì nhà và đất không thể chia bằng hiện vật được.

Về công nợ: Chúng tôi đã được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 133/2018/QĐST - HNGĐ ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa nay tôi không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Lê Ngọc Đ trình bày:

Tôi xác định lời trình bày của chị Vũ Thị H về thời gian ly hôn, Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn đúng. Tôi và chị H trong quá trình chung sống là vợ chồng có khối tài sản chung như chị H trình bày trên là hoàn toàn đúng, nay tôi cũng không bổ sung thêm thứ tài sản gì khác và tôi cũng nhất trí chia khối tài sản trên mỗi người một nửa, nhưng chia bằng hiện vật (Chia đôi cả nhà và đất) để tôi lấy chỗ ở, nếu giao toàn bộ số tài sản trên cho chị H thì tôi không có chỗ ở, còn nếu tôi sở hữu và sử dụng toàn bộ số tài sản trên thì tôi không có tiền để thanh toán lại cho chị H.

Ngày 20/12/2021 Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ và thành lập Hội đồng định giá tài sản chung của chị Vũ Thị H và anh Lê Ngọc Đ theo quy định của pháp luật.

Tài sản thẩm định và định giá gồm: 01 nhà xây cấp bốn hai tầng đổ mái tầng 1 khoảng 40m² xây năm 2014 xây bằng gạch vồ (Bê tông) xây dựng kiên cố, lợp chống nóng Prôxi măng 01 phòng khách, cầu thang, hai phòng ngủ + bếp và công trình phụ khép kín xây chính giữa trên diện tích đất trị giá 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và 01 thửa đất số 99B, tờ bản đồ số 19 theo giấy chứng nhận QSDĐ số BX 023614 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 23/3/2015 đứng tên ông Lê Ngọc Đ và bà Vũ Thị H - Khu 10 (cũ) nay là khu 6 xã Y, huyện H diện tích đất 460m² trong đó có 80m² đất ở và 380m² đất vườn trị giá 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

Tổng trị giá tài sản là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

Sau khi thông báo kết quả thẩm định và định giá tài sản chị H và anh Đ đều nhất trí, không ai có thắc mắc hoặc khiếu nại gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 33, 38, 59 – Luật HN&GD; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a,c khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 147 - BLTTDS, Điều 357 - BLDS; Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị HĐXX xử giao cho anh Lê Ngọc Đ được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ khối tài sản gồm: Diện tích đất 460m² trong đó có 80m² đất ở và 380m² đất vườn - tại khu 6 xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Trên đất có 01 nhà xây cấp bốn hai tầng đổ mái tầng 1 khoảng 40m² xây năm 2014 xây bằng gạch vồ (Bê tông) lợp chống nóng Prô xi măng kèm theo công trình phụ khép kín

Tổng trị giá tài sản anh Đ quản lý sở hữu và sử dụng là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng);

Đề nghị buộc anh Lê Ngọc Đ phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản lại cho chị Vũ Thị H số tiền từ 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Chị Vũ Thị H được quyền nhận 400.000.000đ do anh Đ thanh toán lại

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật cụ thể chị H và anh Đ mỗi người phải chịu 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Vũ Thị H và anh Lê Ngọc Đ là Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự có khối tài sản chung tại khu 6 xã Y, huyện H và là nơi cư trú của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa đã thụ lý vụ án và tiến hành làm các thủ tục pháp lý, triệu tập các đương sự đến tòa án để tham gia phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Chị H và anh Đ không thỏa thuận được với nhau do đó vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung của pháp luật.

[2] Về nội dung: Chị Vũ Thị H và anh Lê Ngọc Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa giải quyết ly hôn. Tại Quyết định số: 133/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa đã quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con và công nợ. Riêng về tài sản không đề nghị tòa án giải quyết nay cả hai đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn, các tài sản gồm:

01 nhà xây cấp bốn hai tầng đồ mái tầng 1 khoảng 40m² xây năm 2014 xây bằng gạch vồ (Bê tông) xây dựng kiên cố, lợp chống nóng Prôxi măng, 01 phòng khách kèm theo cầu thang, hai phòng ngủ + bếp và công trình phụ khép kín xây chính giữa trên diện tích đất 460m² trong đó có 80m² đất ở và 380m² đất vườn tại thửa đất số 99B, tờ bản đồ số 19 - Khu 10 (cũ) nay là khu 6 xã Y, huyện H đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BX 023614 ngày 23/3/2015 đứng tên ông Lê Ngọc Đ và bà Vũ Thị H, ngoài các tài sản trên cả hai xác định không còn thứ tài sản gì khác. Tổng trị giá tài sản là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

[3] Quan điểm của chị H là xin sở hữu và sử dụng toàn bộ số tài sản trên đồng thời thanh toán tiền chênh lệch tài sản lại cho anh Đ theo quy định của pháp luật, nếu anh Đ xin sở hữu và sử dụng toàn bộ và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị thì chị cũng nhất trí.

[4] Quan điểm của anh Đ cũng nhất trí chia khối tài sản trên mỗi người một nửa, nhưng chia bằng hiện vật (Chia đôi cả nhà và đất).

[5] Xét về nguồn gốc của tài sản là 01 thửa đất và nhà ở tại điểm **[2]** đã nêu ở trên của chị H và anh Đ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh, chị do đó được xác định là tài sản chung của anh, chị để chia theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm của chị H và anh Đ tại điểm **[3]** và điểm **[4]** HĐXX xét thấy đối với diện tích đất của anh, chị có tổng diện tích là 460m², tuy nhiên chỉ có 80m² đất ở, theo quy định đối với diện tích đất ở tối thiểu được tách, chỉ được tách thửa khi diện tích đất các thửa đất hình thành sau khi tách không được nhỏ hơn 50m², đối với diện tích đất ở của anh, chị không thể tách làm đôi được vì nếu tách ra, đất ở mỗi thửa sẽ nhỏ hơn 50m² hơn nữa trên đất anh, chị đã xây dựng một ngôi nhà kiên cố, xây chính giữa trên diện tích đất, phía đằng sau của ngôi nhà có hai mố cột dây của VIETTEL nằm giữa đất do đó nếu chia đôi sẽ ảnh hưởng đến kết cấu của ngôi nhà và ảnh hưởng đến các công trình khác. Như vậy nguyện vọng của anh Đ là đề nghị chia đôi bằng hiện vật (Nhà và đất) là không có căn cứ

chấp nhận vì vậy cần giao khối tài sản trên cho một người sở hữu và sử dụng là phù hợp. Xét về nhu cầu sử dụng đất và điều kiện thực tế của cả hai bên, sau khi ly hôn xong chị H đã tách khẩu về chung sống với bố mẹ đẻ ở xã H, huyện A, tỉnh H, còn anh Đ vẫn đang ở tại ngôi nhà đó và là nơi các con của anh, chị đang ở để học tập, tránh sự sáo trộn hoặc thay đổi không cần thiết, nên cần giao toàn bộ số tài sản trên cho anh Đ sở hữu và sử dụng là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời cần buộc anh Đ phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị H một nửa giá trị tài sản bằng 400.000.000đ là phù hợp với nguyên tắc chia tài sản chung.

[7] Về lệ phí thẩm định và định giá tài sản: Ngày 06 tháng 12 năm 2021 chị Vũ Thị H có đơn yêu cầu thẩm định và định giá tài sản, trong đơn đề nghị chị H tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí chia tài sản: Chị Vũ Thị H và anh Lê Ngọc Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Chị H phải chịu 20.000.000đ, anh Đ phải chịu 20.000.000đ án phí chia tài sản.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tại phiên Tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, 59 - Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 và khoản 2 điều 147 – BLTTDS; Điều 357 - BLDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Xử giao cho anh Lê Ngọc Đ được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản gồm 460m² đất trong đó có 80m² đất ở và 380m² đất vườn trị giá 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và 01 nhà xây cấp bốn hai tầng đổ mái tầng 1 phòng khách khoảng 40m² kèm theo cầu thang, hai phòng ngủ + bếp và công trình phụ khép kín xây bằng gạch vồ (Bê tông) xây dựng kiên cố, lợp chống nóng bằng Prôxi măng trị giá 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Toàn bộ nhà, các công trình gắn liền với nhà và đất đều nằm trên diện tích đất 460m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 023614 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 23/3/2015 tại thửa đất số 99B, tờ bản đồ số 19 đứng tên ông Lê Ngọc Đ và bà Vũ Thị H - Địa chỉ Khu 10 (Cũ) nay là khu 6 xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Buộc anh Lê Ngọc Đ phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản lại cho chị Vũ Thị H là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

[3]. Chị Vũ Thị H được quyền sở hữu 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) do anh Đ thanh toán lại.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu anh Đ không thanh toán khoản tiền chênh lệch tài sản trên cho chị H, chị H có đơn đề nghị thi hành án thì anh Đ còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 - BLDS.

[4]. Về án phí chia tài sản:

Buộc chị Vũ Thị H phải chịu 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại chi cục THADS huyện Hạ Hòa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004713 ngày 08/10/2021. Chị H còn phải nộp tiếp 19.700.000đ (Mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

Buộc anh Lê Ngọc Đ phải chịu 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự (Đều có mặt) được quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Các đương sự;
- CC THA dân sự huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng;

Đã ký

Trần Hưng Thủy